

UBND THÀNH PHỐ NHA TRANG  
HỘI ĐỒNG BT, HT & TĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ  
ĐỐI VỚI HỘ BÀ LÊ THỊ NIỀU (CHẾT) – BÀ TRẦN THỊ HỒNG HOA (ĐẠI DIỆN)  
DỰ ÁN: MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG CÁC THÀNH PHỐ DUYÊN HẢI –  
TIỂU DỰ ÁN NHA TRANG**

**ĐỊA BÀN: PHƯỜNG VẠN THẮNG, TP NHA TRANG**

*(Kèm Quyết định số: 3205/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2022 của UBND thành phố Nha Trang)*





**BẢNG TỔNG HỢP**  
**DỰ ÁN: MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG CÁC THÀNH PHỐ DUỖN HẢI - TIỂU DỰ ÁN NHA TRANG**  
**Hạng mục: Xây dựng Kè và Đường Nam sông Cái Nha Trang**

STT	Đối tượng thu hồi đất	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ giải tỏa	THỬA	TỜ BỐT Đ	Tổng DT	DIỆN TÍCH ĐẤT THU HỒI (m <sup>2</sup> )				SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ (đồng)					Khen thưởng (đồng)
							Tổng DT thu hồi	Đất ở	Đất nông nghiệp	Đất khác	Tổng số tiền BT, HT	BT, HT về đất	BT, HT về tài sản	BT, HT về cây trồng	Hỗ trợ khác	
1	Bà Lê Thị Niều (chết) Bà Trần Thị Hồng Hoa (đại diện đứng tên kê khai)	229/7 đường 2/4, phường Vạn Thắng, TP Nha Trang	229/7 đường 2/4, phường Vạn Thắng, TP Nha Trang	40/9	62-2022	188,20	149,40	111,20	38,20		1.038.290.741	522.049.968	494.821.663	10.330.000	11.089.110	11.000.000
				39/9	62-2022	92,10	24,20		24,20			21.961.697	14.374.800	7.510.897	76.000	0
<b>Tổng</b>				<b>02</b>		<b>280,30</b>	<b>173,60</b>	<b>111,20</b>	<b>62,40</b>	<b>0,00</b>	<b>1.060.252.438</b>	<b>536.424.768</b>	<b>502.332.560</b>	<b>10.406.000</b>	<b>11.089.110</b>	<b>11.000.000</b>

1/ Số trường hợp bị giải tỏa:

2/ Kinh phí bồi thường, hỗ trợ:

- Bồi thường, hỗ trợ về đất:
- Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, công trình, vật kiến trúc trên đất:
- Bồi thường về cây trồng:
- Bồi thường về chi phí di chuyển:
- Hỗ trợ khác:

3/ Kinh phí tổ chức thực hiện (2% tổng kinh phí bồi thường hỗ trợ) chỉ cho các đơn vị có liên quan thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng:

- Trích cho phòng Tài nguyên và Môi trường (5% kinh phí tổ chức thực hiện):
- Trích cho UBND phường Vạn Thắng (3% kinh phí tổ chức thực hiện):
- Trích chi khen thưởng cho tổ chức, cá nhân tham gia tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng (1% kinh phí tổ chức thực hiện):
- Trích cho sở Tài nguyên và Môi trường (1% kinh phí tổ chức thực hiện):

4/ Kinh phí khen thưởng:

5/ Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, khen thưởng và tổ chức thực hiện:

(Bảng chữ: Một tỷ, không trăm chín mươi hai triệu, bốn trăm năm mươi bảy nghìn đồng)

01 trường hợp/02 thửa

1.060.252.438	đồng
536.424.768	đồng
502.332.560	đồng
10.406.000	đồng
0	đồng
11.089.110	đồng
21.205.049	đồng
1.060.252	đồng
636.151	đồng
212.050	đồng
212.050	đồng
11.000.000	đồng
1.092.457.000	đồng

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 10 năm 2022

**TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT KH**  
**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Minh Tuấn

Người lập

Trần Phương Hà

Người soát

Lê Thị Thu Nguyễn

Phụ trách phòng

Trần Thuông

**Ban QLDA Phát triển KH**



Hồ Tấn Quang



STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
3.1	<p><b>Bà Lê Thị Niều (chết)</b> <b>Bà Trần Thị Hồng Hoa</b> (đại diện đứng tên kê khai)</p> <p>- Địa chỉ thường trú: 229/7 đường 2/4, phường Vạn Thắng, TP Nha Trang</p> <p>- Địa chỉ thửa đất thu hồi: 229/7 đường 2/4, phường Vạn Thắng, TP Nha Trang</p>	<p>***Giấy xác nhận về thửa đất bị thu hồi để phục vụ cho công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất số 1600/XN-UBND ngày 20/12/2021 và Văn bản số 609/UBND ngày 21/6/2022 của UBND phường Vạn Thắng xác nhận:</p> <p>* Về nguồn gốc đất: Thửa đất số 40, tờ số 09 (Tổng DT: 188,2m<sup>2</sup>; DT giải tỏa: 149,4m<sup>2</sup>; DT còn lại: 38,8m<sup>2</sup>) – Tương ứng với thửa số 32 tờ BĐDC số 02 phường Vạn Thắng.</p> <p>- Nguồn gốc đất: Vào năm 1958 ông Lê Văn Mô và chị là bà Lê Thị Lượm trình xin lập vi bằng xác nhận bảo đồ nhà mất văn khố (thuộc Bảo Đại năm thứ nhất – 1926). Nội dung tờ vi bằng thể hiện nguồn gốc: Đất trước đây do ông Phạm Đoàn quản lý sử dụng, sau đó bán đứt cho ông nội là Lê Tân (1 sào đất thổ châu tư). Giấy tờ do ông Lê Văn Mô và bà Lê Thị Lượm nắm giữ và trong coi sự nghiệp để lại. Qua năm Bảo Đại thứ nhất gặp gió bão đổ nhà, mất giấy tờ thể hiện 2 sào đất, vi bằng được thông dịch viên là ông Nguyễn Đức Giản dịch ra tiếng Việt có chứng nhận của Chánh án Tòa sơ thẩm Nha Trang ngày 05/7/1958.</p> <p>Ông Lê Văn Mô (chết năm 1965) và vợ là bà Trần Thị Nhóm (chết năm 1969) chết không để lại di chúc nên nhà đất trên do con và cháu của ông Mô và bà Nhóm quản lý sử dụng 500m<sup>2</sup>. Ngày 18/01/1988, bà Lê Thị Niều lập tờ khai về sở hữu chủ nhà đất có ghi: nhà, đất của cha mẹ ruột là ông Lê Mô (chết) và bà Trần Thị Nhóm (chết) để lại cho con, phần nhà đất này là nhà phụng tự. Bà Lê Thị Niều (Bà ngoại bà Hoa) chết, bà Trần Thị Hồng Hoa đứng tên kê khai sử dụng.</p> <p>UBND phường đã có Văn bản hướng dẫn đến gia đình bà Trần Thị Hồng Hoa lập thủ tục phân chia thừa kế theo quy định.</p> <p>Trong quá trình quản lý sử dụng bà Lê Thị Niều, bà Trần Thị Hồng Hoa không chuyển quyền cho ai, ranh giới thửa đất sử dụng ổn định. Do vậy, UBND phường xác định không có thửa đất chung nguồn gốc đất với bà Lê Thị Niều, không sử dụng hạn mức đất ở của bà Niều.</p> <p>- Thời điểm sử dụng đất: Năm 1926. - Thời điểm xây dựng nhà cửa, vật kiến trúc: Trước năm 1975. - Tổng diện tích đất: 188,2m<sup>2</sup>. - Khuôn viên, ranh giới thửa đất: + Đông giáp: Đường đất và thửa số 41. + Tây giáp: Đường đất và thửa số 39.</p>	<p>I/ Về đất:</p> <p>- Tổng diện tích (Thửa số 40 - Mảnh 9): m<sup>2</sup> <b>188,20</b></p> <p>+ DT đất thu hồi: m<sup>2</sup> 149,40</p> <p>+ DT đất còn lại: m<sup>2</sup> 38,80</p> <p>1- Bồi thường về đất:</p> <p>***Căn cứ pháp luật áp dụng: + Khoản 1, Điều 13, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 + Điểm a Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 + Khoản 4, Điều 82, Luật đất đai năm 2013 + Khoản 2, Điều 77, Luật đất đai năm 2013 + Quyết định số 2808/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa</p> <p>- Diện tích đất được bồi thường: m<sup>2</sup> <b>111,20</b></p> <p>- Bồi thường đất ở vì xây dựng nhà trước ngày 15/10/1993: m<sup>2</sup> <b>111,20</b> 4.490.640 100% 499.359.168</p> <p>Áp giá đường 2/4 (đoạn từ Trần Quý Cáp đến Nam Cầu Hà Ra) vị trí 5. Đơn giá: 4.536.000đ/m<sup>2</sup>. Đơn giá nhân hệ 1,1 vì tiếp giáp 02 hẻm, nhân hệ số 0,9 vì đường đất. 4.536.000đ/m<sup>2</sup> x 1,1 x 0,9 = 4.490.640đ/m<sup>2</sup></p> <p>- Diện tích đất không bồi thường: m<sup>2</sup> <b>38,20</b> Không bồi thường vì không thuộc đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp</p> <p>2- Hỗ trợ về đất:</p> <p>*** Căn cứ pháp lý áp dụng: + Điểm 8a, Khoản 4, Điều 1 QĐ 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa + Quyết định số 2808/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa</p> <p>*Hỗ trợ đất cây lâu năm trong khu dân cư: m<sup>2</sup> <b>38,20</b> 660.000 90% 22.690.800</p> <p>Áp giá đường 2/4 (đoạn từ Trần Quý Cáp đến Nam Cầu Hà Ra) vị trí 5. Đơn giá: 660.000đ/m<sup>2</sup>.</p> <p>II/ Tài sản gắn liền với đất: 505.151.663</p> <p>1- Công trình, vật kiến trúc: 494.821.663</p> <p>+ Ngày khóa sổ: Thông báo thu hồi đất số 1848/TB-UBND ngày 31/12/2020 của UBND TP Nha Trang</p>								



STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tòa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
		<p>Tay giáp: Đường uat và thua số 33.</p> <p>+ Nam giáp: Thửa số 39.</p> <p>+ Bắc giáp: Đường đất.</p> <p>- Loại đất: Đất ở đô thị + Đất trồng cây lâu năm.</p> <p><b>*Quá trình sử dụng đất; nhà, vật kiến trúc xây dựng trên đất (nếu có):</b></p> <p>- Những thay đổi về diện tích đất, khuôn viên, ranh giới thửa đất: Có.</p> <p>- Những thay đổi về loại đất: Không.</p> <p>- Tình trạng nhà, đất: Hiện nay gia đình đang ăn ở ổn định tại thửa đất giải tòa; 03 nhân khẩu (Trần Quốc Bảo, Phan Hoàng Thủy Dương, Nguyễn Hoàng Bảo Trân) đang sinh sống tại địa chỉ trên nhưng không đăng ký thường trú hoặc tạm trú.</p> <p><b>*Tình hình tranh chấp đối với thửa đất:</b> Hiện nay không có tranh chấp, khiếu nại.</p> <p><b>*Trường hợp diện tích đất thể hiện trên giấy tờ về quyền sử dụng đất có sự chênh lệch so với diện tích đất thực tế đang sử dụng:</b></p> <p>- Diện tích đất theo giấy tờ: Không thể hiện.</p> <p>- Diện tích đất thực tế đang sử dụng: 188,2m<sup>2</sup>.</p> <p>- Diện tích đất chênh lệch:</p> <p>- Nguyên nhân tăng (giảm) nếu có: Do đo đạc không chính xác. Ranh giới sử dụng đất ổn định.</p> <p><b>*Trường hợp địa chỉ thửa đất, nhà, vật kiến trúc xây dựng trên đất thực tế đang sử dụng khác với địa chỉ thể hiện trên giấy tờ:</b></p> <p>- Địa chỉ thửa đất theo giấy tờ: Số 229/7 đường 2/4, phường Vạn Thắng, thành phố Nha Trang.</p> <p>- Địa chỉ thửa đất thực tế đang sử dụng: Số 229/7 đường 2/4, phường Vạn Thắng, thành phố Nha Trang. (Hai địa chỉ nêu trên thực tế là cùng một thửa đất).</p> <p><b>*Các loại giấy tờ, tài liệu, người làm chứng làm căn cứ xác nhận các nội dung trên:</b></p> <p>- Sổ hộ khẩu số 26677 do bà Trần Thị Hồng Hoa thường trú tại số 229/7 đường 2/4, phường Vạn Thắng được Công an thành phố Nha Trang cấp ngày 01/11/1997. Gồm 03 nhân khẩu.</p> <p>- Bản dịch chữ Hán ra chữ Việt về việc ông Lê Văn Mô và bà Lương trình xin lập vi bằng về việc thất lạc giấy tờ (thuộc năm Bảo đại thứ nhất - 1926) có xác nhận của Chánh án Toà sơ thẩm Nha Trang ngày 5/7/1958.</p> <p>- Tờ khai về sở hữu chủ nhà đất của bà Lê Thị Niều ngày 18/01/1988.</p> <p>- Sơ đồ phân chia nhà số 229/7 đường 2/4 phường Vạn Thắng.</p> <p>- Biên lai thuê thổ trạch của bà Lê Thị Niều từ năm 1976.</p> <p>- Biên nhận về việc thu tiền nước tên bà Trần Thị Hồng Hoa tại địa chỉ 229/7 đường 2/4 phường Vạn Thắng.</p>	<p><b>**Bồi thường, hỗ trợ theo:</b></p> <p>+ Khoản 4, Điều 1, QĐ số 565/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa;</p> <p>+ Tiểu mục 33, mục 3.2.1.4, khoản 3.2, STT 3 Khung chính sách tái định cư được Chính phủ phê duyệt tại văn bản 1078/TTg-QHQT ngày 22/6/2016;</p> <p>+ Mục 1.4, khoản I, Phụ lục 2 - Ma trận quyền lợi - Khung chính sách tái định cư.</p> <p>+ Áp dụng QĐ số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa;</p> <p>- Nhà 1 tầng, tường xây gạch 100-200, bô trụ, có hệ đỡ trụ gỗ (gỗ căm xe), mái ngói, tole, trần nhựa (dt: (3,4m x 2,2m) + (2,7m x 2,2m) + (1,1m x 1,1m)) + không trần (dt: 81,68m<sup>2</sup>), tường sơn nước, cửa gỗ, nền xi măng + nền gạch men (dt: (3,4m x 2,2m) + (2,7m x 2,2m) + (1,1m x 1,1m) + (3,7m x 1,5m)), có hệ vệ sinh hoàn chỉnh, có hệ thống điện nước. Móng đá chẻ xây trên cox nền ≥ 0,6m. DTXD: 96,31m<sup>2</sup>XD; DTGT: 70,63m<sup>2</sup>XD; DTCL: 25,68m<sup>2</sup>XD (kèm sơ họa - kích thước do Trung tâm Phát Triển Quy hoạch Khánh Hòa lập ngày 14/10/2022)</p> <p>Áp dụng khoản 2, Điều 1, QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa - nhà ở bị giải tỏa 2/3 diện tích xây dựng trở lên, diện tích còn lại 25,68m<sup>2</sup> nhỏ hơn 36m<sup>2</sup> nên hỗ trợ toàn bộ DT: 96,31m<sup>2</sup> nhà.</p>	m <sup>2</sup> XD	96,31							
			+ Diện tích nền gạch men: (3,4m x 2,2m) + (2,7m x 2,2m) + (1,1m x 1,1m) + (3,7m x 1,5m) = 20,18m <sup>2</sup> XD	m <sup>2</sup> XD	20,18	5.221.316		100%	105.366.149			
			<p>Áp giá PL1, STT A5, ĐG: 3.883.495đ/m<sup>2</sup>XD. Đơn giá điều chỉnh với hệ số 1,13 vì tường sơn nước, tăng 15% vì có hệ đỡ trụ gỗ. Cộng 250.442 đ/m<sup>2</sup>XD vì nền gạch men.</p> <p>3.883.495đ/m<sup>2</sup>XD x 1,13 x (100 + 15)% + 250.442đ/m<sup>2</sup>XD = 5.221.316đ/m<sup>2</sup>XD</p>									
			+ Diện tích nền Xi măng: 96,31m <sup>2</sup> XD - 20,18m <sup>2</sup> XD = 76,13m <sup>2</sup> XD	m <sup>2</sup> XD	76,13	4.970.874		100%	378.432.607			
			<p>Áp giá PL1, STT A5, ĐG: 3.883.495đ/m<sup>2</sup>XD. Đơn giá điều chỉnh với hệ số 1,13 vì tường sơn nước, tăng 15% vì có hệ đỡ trụ gỗ</p> <p>3.883.495đ/m<sup>2</sup>XD x 1,13 x (100 + 15)% = 4.970.874đ/m<sup>2</sup>XD</p>									
			+ Ôp men bếp: (2,4m x 0,9m) x 2 mặt + (1,6m x 0,5m) = 5,12m <sup>2</sup>	m <sup>2</sup>	5,12	309.524		100%	1.584.763			
			Áp giá PL2, STT A33, đơn giá 309.524đ/m <sup>2</sup>									



STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
		- Hóa đơn tiền điện tên bà Trần Thị Hồng Hoa tại địa chỉ 229/7 đường 2/4, phường Vạn Thắng. - Biên bản xác định độ rộng hẻm ngày 09/6/2022 (thửa đất tiếp giáp đường rộng dưới 2m (ngõ hẻm đường 2/4) - tương ứng vị trí 5 đường 2/4) - Biên bản họp HĐBT ngày 15/7/2022 (STT 05) - Thông báo số 156/TB-HĐBT ngày 27/7/2022 của Hội đồng BT, HT, TĐC - Biên bản niêm yết ngày 30/7/2022 - Biên bản kết thúc niêm yết ngày 18/8/2022 - Biên bản họp đối thoại ngày 14/10/2022	+ Ôp đá granit bếp: (1,8m x 0,5m) = 0,90m <sup>2</sup> <i>Áp giá PL2, STT A34, đơn giá 1.751.793đ/m<sup>2</sup></i> - Sân xi măng có bê tông lót. (6,3m x 7,4m) = 46,62m <sup>2</sup> <i>Áp giá PL1, STT B17, đơn giá 168.630đ/m<sup>2</sup></i> <b>*Tài sản ngoài ranh giải tỏa</b> - Mái che cột kèo gỗ, mái tole, nền xi măng. Dt: (2,8m x 3,7m) = 10,36m <sup>2</sup> <i>Không bồi thường vì nằm ngoài ranh giải tỏa</i> <b>2 - Tài sản khác:</b> <i>Áp dụng QĐ số 14/2017/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa;</i> - Công tơ điện 1 pha (Bồi thường chi phí lắp đặt sau công tơ điện 1 pha) - Đồng hồ nước - Truyền hình cáp + internet: 01 trường hợp <b>3 - Cây trồng:</b> <i>Áp dụng Quyết định số 2179/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa;</i> - Xoài hạt loại A: 01 cây - Dừa xiêm loại A: 03 cây <b>III/ Bồi thường chi phí di chuyển tài sản:</b> <i>Không bồi thường theo hướng dẫn tại Văn bản số 1907/STNMT-CCQLĐĐ của Sở Tài nguyên và Môi trường Khánh Hòa</i> <b>IV/ Chính sách hỗ trợ:</b> <b>1- Hỗ trợ ổn định đời sống:</b> <i>Áp dụng Điểm 1a, Khoản 4, Điều 1 QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa:</i> <i>Căn cứ Báo cáo V/v xác minh nhân khẩu và tình trạng ăn ở thực tế của Công an phường Vạn Thắng ngày 17/12/2021</i> 30kg/tháng/NK x 3 tháng x 3NK = 270kg (Giá gạo theo CV số 2483/STC-QLG ngày 01/7/2022 của Sở Tài chính Khánh Hòa. ĐG: 13.293đ/kg) <b>2- Hỗ trợ tiền thuê nhà:</b> <i>Áp dụng Điểm 2a, Khoản 4, Điều 1 QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa:</i>	m <sup>2</sup>	0,90	1.751.793		100%	1.576.614			
				m <sup>2</sup>	46,62	168.630		100%	7.861.531			
				m <sup>2</sup>	10,36							
									0			
				TH	1							
				TH	1							
				TH	1							
									10.330.000			
				cây	1	6.640.000	100%		6.640.000			
				cây	3	1.230.000	100%		3.690.000			
									0			
									11.089.110			
									3.589.110			
				kg	270	13.293		100%	3.589.110			
									7.500.000			



STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tòa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
			<i>Căn cứ Báo cáo V/v xác minh nhân khẩu và tình trạng ăn ở thực tế của Công an phường Vạn Thắng ngày 17/12/2021</i>								
			- Hỗ trợ tiền thuê nhà hộ có 05 nhân khẩu trở xuống: 2.500.000đ/tháng/hộ x 3 tháng	tháng	3	2.500.000		100%	7.500.000		
			<b>* Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (I + II + III + IV)</b>						<b>1.038.290.741</b>		
			<b>VI/ Phần khen thưởng</b>						<b>11.000.000</b>		
			<i>Căn cứ Điểm b, Khoản 1, Điều 35 QĐ số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa</i>								
			- Xét khen thưởng: được thưởng 10% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ mức thưởng thấp nhất không dưới một (01) triệu đồng và cao nhất không quá tám (08) triệu đồng; Chỉ chi trả tiền khi hộ gia đình, cá nhân chấp hành tốt quyết định thu hồi đất, giao mặt bằng trong thời gian quy định.	hộ	1	8.000.000			8.000.000		
			- Trường hợp theo yêu cầu phải bàn giao mặt bằng cho dự án trước thời hạn (khi chưa nhận tiền hoặc chưa nhận đất tái định cư) thì ngoài khoản thưởng trên còn được thưởng đồng viên ba (03) triệu đồng/hộ	hộ	1	3.000.000			3.000.000		
			<b>* Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ và khen thưởng: (I+II+III+IV+V)</b>							<b>1.049.290.741</b>	
			<b>VI. Tái định cư</b>								
			Hộ gia đình không đủ điều kiện bố trí tái định cư theo quy định.								



STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
3.2	<p><b>Bà Lê Thị Niều (chết)</b> <b>Bà Trần Thị Hồng Hoa</b> (Đại diện đứng tên kê khai)</p> <p>- Địa chỉ thường trú: 229/7 đường 2/4, phường Vạn Thắng, TP Nha Trang</p> <p>- Địa chỉ thửa đất thu hồi: 229/7 đường 2/4, phường Vạn Thắng, TP Nha Trang</p>	<p>***Giấy xác nhận về thửa đất bị thu hồi để phục vụ cho công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất số 1599/XN-UBND ngày 20/12/2021 của UBND phường Vạn Thắng xác nhận:</p> <p>* Về nguồn gốc đất: Thửa đất số 39, tờ số 09 (Tổng DT: 92,1m<sup>2</sup>; DT giải tỏa: 24,2m<sup>2</sup>; DT còn lại: 67,9m<sup>2</sup>) – Tương ứng với thửa số 62 tờ BĐĐC số 02 phường Vạn Thắng.</p> <p>- Nguồn gốc đất: Vào năm 1958 ông Lê Văn Mô và chị là bà Lê Thị Lượm trình xin lập vi bằng xác nhận bảo đồ nhà mất văn khế (thuộc Bảo Đại năm thứ nhất – 1926). Nội dung tờ vi bằng thể hiện nguồn gốc: Đất trước đây do ông Phạm Đoàn quản lý sử dụng, sau đó bán đứt cho ông nội là Lê Tân (1 sào đất thổ châu tư). Giấy tờ do ông Lê Văn Mô và bà Lê Thị Lượm nắm giữ và trong coi sự nghiệp để lại. Qua năm Bảo Đại thứ nhất gặp gió bão đổ nhà, mất giấy tờ thể hiện 2 sào đất, vi bằng được thông dịch viên là ông Nguyễn Đức Giản dịch ra tiếng Việt có chứng nhận của Chánh án Tòa sơ thẩm Nha Trang ngày 05/7/1958.</p> <p>Ông Lê Văn Mô (chết năm 1965) và vợ là bà Trần Thị Nhóm (chết năm 1969) chết không để lại di chúc nên nhà đất trên do con và cháu của ông Mô và bà Nhóm gồm có: bà Lê Thị Niều, Lê Thị Tôi, Lê Thị Thuận, Lê Thị Nữ, Lê Thị Mười, Lê Thị Mười Em quản lý sử dụng 500m<sup>2</sup>. Tại sơ đồ mặt bằng phân chia nhà số 229/7 đường 2/4, phân chia 01 phần cho ông Trần Anh Tuấn và bà Trần Thị Hồng Hoa (cháu ngoại của bà Lê Thị Niều) với diện tích đất 82,53m<sup>2</sup>, nhưng trên thực tế phần diện tích này do bà Trần Thị Hồng Hoa quản lý và đứng tên kê khai.</p> <p>UBND phường đã có Văn bản hướng dẫn đến gia đình bà Trần Thị Hồng Hoa lập thủ tục phân chia thừa kế theo quy định.</p> <p>- Thời điểm sử dụng đất: Tiếp tục sử dụng năm 1994. - Thời điểm xây dựng nhà cửa, vật kiến trúc: Không có nhà cửa, vật kiến trúc. - Tổng diện tích đất: 92,1m<sup>2</sup>. - Khuôn viên, ranh giới thửa đất: + Đông giáp: Thửa số 41. + Tây giáp: Thửa số 35, 36 và số 38. + Nam giáp: Khu dân cư. + Bắc giáp: Thửa số 39 và đường đất. - Loại đất: Đất trồng cây lâu năm. *Quá trình sử dụng đất; nhà, vật kiến trúc xây dựng trên đất (nếu có):</p>	<p>I/ Về đất:</p> <p>- Tổng diện tích (Thửa số 39 - Mảnh 9): m<sup>2</sup> 92,10 + DT đất thu hồi: m<sup>2</sup> 24,20 + DT đất còn lại: m<sup>2</sup> 67,90</p> <p>1- Bồi thường về đất</p> <p>***Căn cứ pháp lý áp dụng: + Khoản 4, Điều 82, Luật đất đai năm 2013 + Khoản 2, Điều 77, Luật đất đai năm 2013</p> <p>- Diện tích đất không bồi thường: m<sup>2</sup> 24,20 Không bồi thường vì không thuộc đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp</p> <p>2- Hỗ trợ về đất:</p> <p>*** Căn cứ pháp lý áp dụng: + Điểm 8a, Khoản 4, Điều 1 QĐ 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa + Quyết định số 2808/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa</p> <p>+ Hỗ trợ đất cây lâu năm trong khu dân cư: m<sup>2</sup> 24,20 660.000 90% 14.374.800</p> <p>Áp giá đường 2/4 (đoạn từ Trần Quý Cáp đến Nam Cầu Hà Ra) vị trí 5. Đơn giá: 660.000đ/m<sup>2</sup>.</p> <p>II/ Tài sản gắn liền với đất:</p> <p>1- Công trình, vật kiến trúc:</p> <p>+ Ngày khóa sổ: Thông báo thu hồi đất số 1848/TB-UBND ngày 31/12/2020 của UBND TP Nha Trang</p> <p>**Bồi thường, hỗ trợ theo: + Khoản 4, Điều 1, QĐ số 565/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa; + Tiểu mục 33, mục 3.2.1.4, khoản 3.2, STT 3 Khung chính sách tái định cư được Chính phủ phê duyệt tại văn bản 1078/TTg-QHQT ngày 22/6/2016; + Mục 1.4, khoản 1, Phụ lục 2 - Ma trận quyền lợi - Khung chính sách tái định cư. + Áp dụng QĐ số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa;</p> <p>- Công trụ gạch, cánh thép hình. Dt: (1,4m x 1,7m) = 2,38m<sup>2</sup> + Áp giá PL1, STT B13, đơn giá 3.155.839đ/m<sup>2</sup></p>	<p>14.374.800</p> <p>7.586.897</p> <p>7.510.897</p> <p>7.510.897</p>							



STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12		
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Những thay đổi về diện tích đất, khuôn viên, ranh giới thửa đất: Có.</li> <li>- Những thay đổi về loại đất: Không.</li> <li>- Tình trạng nhà, đất: Đất trống.</li> <li><b>*Tình hình tranh chấp đối với thửa đất:</b> Hiện nay không có tranh chấp, khiếu nại.</li> <li><b>*Trường hợp diện tích đất thể hiện trên giấy tờ về quyền sử dụng đất có sự chênh lệch so với diện tích đất thực tế đang sử dụng:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Diện tích đất theo giấy tờ: 82,53m<sup>2</sup>.</li> <li>- Diện tích đất thực tế đang sử dụng: 92,1m<sup>2</sup>.</li> <li>- Diện tích đất chênh lệch tăng: 9,57m<sup>2</sup>.</li> </ul> </li> <li>- Nguyên nhân tăng: Do đo đạc không chính xác.</li> <li><b>*Trường hợp địa chỉ thửa đất, nhà, vật kiến trúc xây dựng trên đất thực tế đang sử dụng khác với địa chỉ thể hiện trên giấy tờ:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ thửa đất theo giấy tờ: Số 229/7 đường 2/4, phường Vạn Thắng, thành phố Nha Trang.</li> <li>- Địa chỉ thửa đất thực tế đang sử dụng: Số 229/7 đường 2/4, phường Vạn Thắng, thành phố Nha Trang. (Hai địa chỉ nêu trên thực tế là cùng một thửa đất).</li> </ul> </li> <li><b>*Các loại giấy tờ, tài liệu, người làm chứng làm căn cứ xác nhận các nội dung trên:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản dịch chữ Hán ra chữ Việt về việc ông Lê Văn Mô và bà Lượm trình xin lập vi bằng về việc thất lạc giấy tờ (thuộc năm Bảo đại thứ nhất – 1926) có xác nhận của Chánh án Toà sơ thẩm Nha Trang ngày 5/7/1958.</li> <li>- Sơ đồ mặt bằng phân chia nhà 229/7 đường 2/4 Nha Trang cho ông Lê Văn Bốc được Phòng Công chứng nhà nước tỉnh Khánh Hòa chứng nhận ngày 01/11/1994 thể hiện vị trí đất ông Trần Anh Tuấn và bà Trần Thị Hồng Hoa đang sử dụng.</li> <li>- Biên bản xác định độ rộng hẻm ngày 09/6/2022 (thửa đất tiếp giáp đường rộng dưới 2m (ngõ hẻm đường 2/4) - tương ứng vị trí 5 đường 2/4)</li> <li>- Biên bản họp HĐBT ngày 15/7/2022 (STT 06)</li> <li>- Thông báo số 156/TB-HĐBT ngày 27/7/2022 của Hội đồng BT, HT, TĐC</li> <li>- Biên bản niêm yết ngày 30/7/2022</li> <li>- Biên bản kết thúc niêm yết ngày 18/8/2022</li> <li>- Biên bản họp đối thoại ngày 14/10/2022</li> </ul> </li> </ul>	<p><b>2 - Tài sản khác:</b> Không</p> <p><b>3 - Cây trồng:</b></p> <p><i>Áp dụng Quyết định số 2179/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đu đủ loại C: 01 cây</li> </ul> <p><b>III/ Bồi thường chi phí di chuyển tài sản:</b></p> <p><i>Không bồi thường theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 14, QĐ số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa</i></p> <p><b>IV/ Chính sách hỗ trợ:</b></p> <p><b>1- Hỗ trợ ổn định đời sống:</b></p> <p><b>2- Hỗ trợ tiền thuê nhà:</b></p> <p><b>3- Hỗ trợ di chuyển:</b></p> <p><b>* Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (I + II + III + IV)</b></p> <p><b>V/ Phần khen thưởng</b></p> <p><b>* Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ và khen thưởng: (I+II+III+IV+V)</b></p> <p><b>VI. Tái định cư</b></p> <p>Hộ gia đình không đủ điều kiện bố trí tái định cư theo quy định.</p>							0	76.000		
				cây	1	76.000	100%		76.000	0			
										0			
						Không hỗ trợ theo quy định tại Khoản 4, Điều 1 QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa							
										21.961.697			
						Đã tính khen thưởng tại thửa 40 - Mảnh 9							
										21.961.697			



